

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 13/02/2025  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Văn Tân

2. Bà Trần Thị Dân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 16/01/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N; Sinh năm: 1992

HKTT: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn S; Sinh năm: 1992

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/5/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận 05 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tính không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian như vậy kéo dài khiến chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi và chán nản. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Chị đã về nhà bố mẹ để được 5 năm nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa

nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Hoàng V, sinh ngày 25/5/2014 và Bùi Hoàng A, sinh ngày 18/9/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu vẫn luôn ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác cho anh S nhưng anh S không có mặt nên không có ý kiến của anh S trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn S; Về con chung: Giao cháu Bùi Hoàng V, sinh ngày 25/5/2014 và Bùi Hoàng A, sinh ngày 18/9/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh S vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh S và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh S theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh S.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn S kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/5/2013 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn

trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị N và anh S sống ly thân đến nay đã 5 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được chính quyền xã T xác nhận là đúng thực tế và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn S.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu vẫn ở với chị N. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của các cháu cần giao cả 02 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của chị N.

[7]. Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Bùi Hoàng V, sinh ngày 25/5/2014 và Bùi Hoàng A, sinh ngày 18/9/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: BLTU/23/0002440 ngày 05/11/2024. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn S. Chị N và anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**